BẢNG QUYỀN LỢI BẢO HIỂM DU LỊCH QUỐC TẾ BIC

Loại tiền tệ: VNĐ

Các quyền lợi bảo hiểm chính (VND) *Main Benefits (VND)*	Chương trình A *Plan A*	Chương trình B *Plan B*	Chương trình C *Plan C*	Chương trình D *Plan D*	Chương trình E *Plan E*
Tai nạn cá nhân *Personal Accident*	250.000.000	500.000.000	750.000.000	1.250.000.000	2.500.000.000
Chi phí y tế điều trị nội trú *Medical Expense*	250.000.000	500.000.000	750.000.000	1.250.000.000	2.500.000.000
+ Giới hạn phụ cho điều trị ngoại trú *Out-patient Treatment Sub-limit*	12.500.000	25.000.000	37.500.000	62.500.000	125.000.000
+ Giới hạn phụ cho điều trị tiếp theo *Follow-up Treatment Sub-limit*	75.000.000	125.000.000	150.000.000	200.000.000	250.000.000
Trợ cứu y tế và hỗ trợ du lịch *Medical and Travel Assistance*					
+ Bảo lãnh thanh toán chi phí điều trị nội trú *In-patient Guaranteed Payment*	Bao gồm Included	Bao gồm Included	Bao gồm Included	Bao gồm Included	Bao gồm Included
+ Vận chuyển cấp cứu khẩn cấp/*Evacuation*	250.000.000	500.000.000	750.000.000	1.250.000.000	2.500.000.000
+ Hồi hương Repatriation	250.000.000	500.000.000	750.000.000	1.250.000.000	2.500.000.000
+ Chi phí ăn ở đi lại bổ sung Additional travel accommodation expenses	25.000.000	50.000.000	62.500.000	87.500.000	175.000.000
+ Chi phí thân nhân đi thăm *Compassionate Visit*	25.000.000	50.000.000	62.500.000	87.500.000	175.000.000
+ Đưa trẻ em hồi hương *Return of Minor Children*	25.000.000	50.000.000	62.500.000	87.500.000	175.000.000
+ Vận chuyển hài cốt, mai táng Repatriation of Mortal Remains	75.000.000	125.000.000	175.000.000	250.000.000	500.000.000
+ Hỗ trợ du lịch a.Thông tin trước chuyến đi b.Thông tin về đại sứ quán c.Những vấn đề dịch thuật d.Những vấn đề về pháp luật e.Những thông thông tin về người cung cấp dịch vụ y tế Travel Assistance a.Pre-trip Information Services b.Embassy Referral	Bao gồm Included	Bao gồm Included	Bao gồm Included	Bao gồm Included	Bao gồm Included

	c.Interpreter Referral d.Legal Referral e.Medical Service Provider Referral					
Hành lý và tư trang *Luggage and Personal Belongings*						
+	Mất mát, hỏng hành lý và tư trang do tai nạn, cướp, trộm cắp hay do vận chuyển nhầm *Lost/damage to luggage caused by/arising from accident, robbery, theft, wrong delivery*	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	37.500.000	75.000.000
+	Giới hạn một bộ *Limit per Item or per Set*	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	6.250.000	6.250.000
Trì hoãn hành lý *Luggage Arrival Delay*						
+	Chi phí mua sắm những vật dụng tối cần thiết liên quan đến vệ sinh và quần áo khi hành lý đã bị trì hoãn ít nhất 12 tiếng *Expenses for purchase of necessary items regarding sanitation and clothes in case of delayed luggage within 12 hours*	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	5.250.000	10.500.000
+	Giới hạn một hạng mục *Limit per Item*	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	1.750.000	1.750.000
Mất giấy tờ thông hành *Lost of travel documents*		6.250.000	12.500.000	50.000.000	75.000.000	125.000.000
Trì hoãn chuyến đi *Voyage Delay*		750.000	1.250.000	1.875.000	3.125.000	6.250.000
Cắt ngắn hành trình / hủy bỏ chuyến đi *Voyage Cut-out/Cancelation*		18.750.000	37.500.000	75.000.000	112.500.000	225.000.000
Trách nhiệm cá nhân với bên thứ ba *Liability to Third Party*		250.000.000	500.000.000	750.000.000	1.250.000.000	2.500.000.000

Phạm vi mở rộng *Extension*					
Chi phí khách sạn trong thời gian dưỡng bệnh *Hotel expenses during convalescence*	6.250.000	12.500.000	17.500.000	25.000.000	62.500.000
Giới hạn tối đa chi phí/ngày *Limit of expence/day*	1.000.000	1.250.000	1.500.000	2.000.000	2.500.000
Thay đổi nhân sự trong trường hợp khẩn cấp *Personnel changes in emergency*	12.500.000	25.000.000	37.500.000	50.000.000	75.000.000